

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đức Hạnh, ông Nguyễn Xuân Định.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

*Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1999;

*Địa chỉ:* **Xóm B, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1995;

*Địa chỉ:* **T (Xóm B), xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.**

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị **L**, anh **H** (chị **L** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh **H** vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị **Lê Thị L** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Đình H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 17/01/2023. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa chị và anh **H** phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên đời sống chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị đã chủ động về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khoảng tháng 08/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh **H** không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đình H có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuệ C, sinh ngày 20/11/2023 hiện nay con chung đang ở cùng chị. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh H hiện đang làm nghề tự do công việc chính là thợ nhôm kính do vậy chị không có tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho Tòa án thể hiện thu nhập của anh H.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được quan điểm của anh H.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện nội dung: Anh Nguyễn Đình H và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định ngày 17/01/2023. Quá trình chung sống mâu thuẫn cụ thể giữa anh H và chị L như thế nào thì địa phương không nắm rõ tuy nhiên hiện nay chị L không chung sống cùng anh H. Về con chung giữa anh H và chị L có 01 con chung là Nguyễn Lê Tuệ C, sinh ngày 20/11/2023 hiện nay đang ở cùng chị L. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L, địa phương đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H, anh H biết việc chị L xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tuy nhiên do bận đi làm nên không lên Tòa án huyện Ý, tỉnh Nam Định để giải quyết vụ án được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

Theo số liệu báo cáo ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã Y về thu nhập bình quân đầu người 01 tháng là 5,5 triệu đồng/người/tháng.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị L có mặt, anh H vắng mặt. Chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị L xin giải quyết vắng mặt. Anh H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị L

đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lê Thị L**.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cháu **Nguyễn Lê Tuệ C**, sinh ngày 20/11/2023 cho chị **Lê Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh **Nguyễn Đình H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L** từ 1.000.000 đồng – 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **L** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh **H** phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **L** có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh **H** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị L** và anh **Nguyễn Đình H** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/01/2023 tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **Ý**, tỉnh **Nam Định**. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị **L** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh **H**. Về phía anh **H**, mặc dù anh biết việc chị **L** xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh **H** vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị **L** nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh **H** vẫn vắng mặt. Chị **L** đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh **H** nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị **L**, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị **L** và anh **H** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Lê Tuệ C**, sinh ngày 20/11/2023 hiện nay cháu **C** đang ở cùng chị **L**. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, con chung còn nhỏ đang dưới 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và cũng tại thời điểm này người mẹ có nhiều điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu **Nguyễn Lê Tuệ C** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Anh **H** là người khỏe mạnh, bình thường đang trong độ tuổi lao động để có thu nhập nên hoàn toàn có đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L**. Đối chiếu với mức thu nhập bình quân là 5,5 triệu/người/tháng tại khu vực **xã Y** là nơi chị **L**, anh **H** và con chung sinh sống. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **L**, buộc anh **H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L** số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị **L**, anh **H** không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị **L** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh **H** phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Lê Thị L** và anh **Nguyễn Đình H**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Nguyễn Lê Tuệ C**, sinh ngày 20/11/2023 cho chị **Lê Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Đình H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L** số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng kể từ tháng 05/2024 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị **Lê Thị L** phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003505, ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị **L** đã nộp đủ án phí.

Anh **Nguyễn Đình H** phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị **Lê Thị L** và anh **Nguyễn Đình H** được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Đòng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Tâm**